ĐỀ 01	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm: (3 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

Câu 1. Kết quả của phép tính: 134 × 5 là:

A. 650 **B.** 670 **C.** 660 **D.** 680

Câu 2. Kết quả của phép tính: 549 : 9 là:

A. 601 **B.** 16 **C.** 61 **D.** 46

Câu 3. 5hm 4m = …….m. Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

A. 54 **B.** 45 **C.** 540 **D.** 504

Câu 4. Một hình chữ nhật có chiều dài 36cm, chiều rộng bằng $\frac{1}{4}$ chiều dài. Chiều rộng hình chữ nhật là:

A. 90cm **B.** 9cm **C.** 45cm **D.** 101cm

Câu 5. Một phép chia có số dư lớn nhất là 4. Số chia là:

A. 5 **B.** 6 **C.** 7 **D.** 8

Câu 6. Hình sau có số góc vuông là:

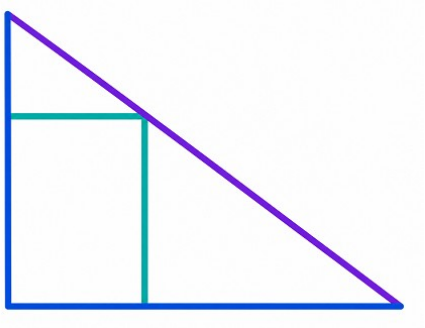

A. 5 **B.** 6 **C.** 7 **D.** 8

II. Tự luận: (7 điểm)

Câu 7. Tìm y: (2 điểm)

a. 243 : x = 341 - 338

b. x × 6 = 28 + 8

……

……

……

……

……

Câu 8. Hùng có 68 viên bi, Hùng cho Tú $\frac{1}{4}$ số bi của mình. Hỏi sau khi cho, Hùng còn lại bao nhiêu viên bi? (2 điểm)

Bài giải:

……
……
……
……
……
……

Câu 9. Bình có 34 quyển vở, số quyển vở của Ngọc gấp 3 lần số quyển vở của Bình. Tính tổng số quyển vở của Ngọc và Bình? (2 điểm)

Bài giải:

……
……
……
……
……
……

Câu 10. Tìm x biết: x : 5 : 2 = 15

……
……
……
……

ĐỀ 02	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm:

Câu 1. Chữ số 8 trong số 689 có giá trị là:

A. 8 **B.** 80 **C.** 800

Câu 2. Giá trị của biểu thức 56 : 7 + 46 là:

A. 50 **B.** 54 **C.** 56

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 4hm 7m = …..m:

A. 407 **B.** 470 **C.** 47

Câu 4. Hình ABCD có số góc vuông là:

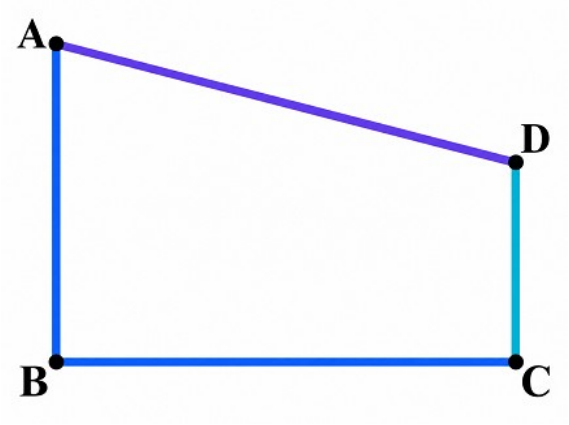

A. 2 **B.** 3 **C.** 4

Câu 5. 134 × 7 = … Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 936 **B.** 948 **C.** 938

Câu 6. Gấp 12 lên 6 lần ta được số:

A. 2 **B.** 70 **C.** 72

II. Tự luận:

Câu 7. Đặt tính rồi tính:

a. 131 + 139 b. 325 - 139 c. 107 × 8 d. 364 : 4

……

……

……

……

.....

Câu 8. Một quyển truyện dày 136 trang. An đã đọc được $\frac{1}{4}$ số trang đó. Hỏi còn bao nhiêu trang sách nữa mà An chưa đọc?

Bài giải:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 9. Tìm x:

a. x × 5 - 9 = 476

b. x : 7 = 72 - 59

.....
.....
.....
.....
.....

ĐỀ 03	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm:

Câu 1. Số chẵn lớn nhất có 3 chữ số mà tổng các chữ số bằng 11 là:

A. 911 **B.** 902 **C.** 920 **D.** 922

Câu 2. Trong các số 357; 339; 597; 539, số lẻ nhỏ nhất là:

A. 357 **B.** 339 **C.** 597 **D.** 539

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 3m 19cm = ……cm:

A. 319 **B.** 49 **C.** 94 **D.** 391

Câu 4. Kết quả của phép tính 546 + 248 là:

A. 790 **B.** 794 **C.** 784 **D.** 708

Câu 5. 19 lít gấp lên 5 lần là:

A. 90 lít **B.** 105 lít **C.** 100 lít **D.** 95 lít

Câu 6. Mẹ có 36 quả cam, mẹ cho bà $\frac{1}{2}$ số quả cam. Vậy mẹ cho bà số quả cam là:

A. 28 quả **B.** 18 quả **C.** 72 quả **D.** 62 quả

II. Tự luận:

Câu 7. Tính giá trị của biểu thức:

a. 345 + 87 : 3 =

b. (475 - 384) × 3 =

……
……
……
……
……

Câu 8. Tìm x:

a. x : 5 = 14 (dư 2)

b. 89 : x = 8 (dư 1)

……
……
……
……
……

Câu 9. Năm nay mẹ 36 tuổi, con ít hơn mẹ 30 tuổi. Hỏi tuổi mẹ gấp mấy lần tuổi con?

……

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 10. Khu đất hình chữ nhật có chiều rộng 124m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính chu vi khu đất đó?

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 11. Hình bên có bao nhiêu hình vuông?

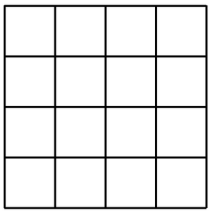

.....
.....
.....

ĐỀ 04	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm:

Câu 1. 74 : x = 8 (dư 2). Giá trị của x là:

A. 7 **B.** 8 **C.** 9 **D.** 10

Câu 2. 5m 4dm = ……cm. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 54 **B.** 504 **C.** 540 **D.** 450

Câu 3. Bạn Minh có 45 viên bi, Minh cho Hùng $\frac{1}{9}$ số bi. Hỏi Minh còn lại bao nhiêu viên bi?

A. 5 viên bi **B.** 40 viên bi **C.** 31 viên bi **D.** 36 viên bi

Câu 4. Số dư của phép chia 389 : 7 là:

A. 4 **B.** 5 **C.** 6 **D.** 3

Câu 5. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng 30cm, chiều dài gấp 2 lần chiều rộng. Chu vi của hình chữ nhật là:

A. 60 **B.** 60m **C.** 180cm **D.** 180m

Câu 6. Trong hình vẽ bên có số góc vuông là:

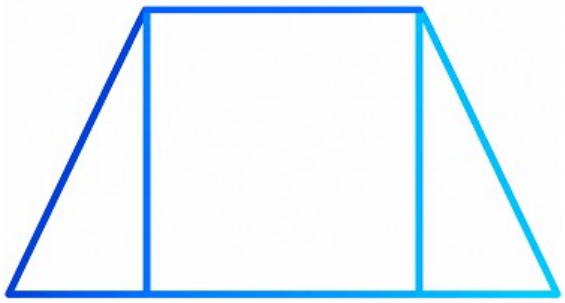

A. 4 **B.** 5 **C.** 6 **D.** 7

II. Tự luận:

Câu 7. Đặt tính rồi tính:

a. 665 + 245 b. 600 - 387 c. 284 × 3 d. 780 : 4

……
……
……
……
……

Câu 8. Tìm x:

a. x × 9 + 273 = 363 b. x : 7 = 123 c. x - 384 + 124 = 173

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 9. Một hình chữ nhật có chiều dài 144cm, chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Tính chu vi hình chữ nhật đó?

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 10. Tìm số bị chia trong phép chia có dư, biết thương là 7 và số chia là 4, số dư là số dư lớn nhất có thể.

.....
.....
.....
.....
.....

ĐỀ 05	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm: (3 điểm)

Câu 1. Kết quả của phép tính 342 : 9 là:

A. 48 **B.** 38 **C.** 28 **D.** 40

Câu 2. Có 135 chiếc kẹo được chia đều vào 5 túi. Hỏi 8 chiếc túi như thế đựng được bao nhiêu chiếc kẹo?

A. 206 chiếc kẹo **B.** 226 chiếc kẹo **C.** 216 chiếc kẹo **D.** 236 chiếc kẹo

Câu 3. Một đường gấp khúc gồm hai đoạn thẳng AB và BC. Biết độ dài đoạn thẳng AB bằng 10cm và dài gấp 2 lần độ dài đoạn thẳng BC. Độ dài đường gấp khúc đó là:

A. 12cm **B.** 8cm **C.** 15cm **D.** 5cm

Câu 4. Số gồm 4 chục, 3 trăm, 5 đơn vị được viết là:

A. 435 **B.** 345 **C.** 543 **D.** 534

Câu 5. Kết quả của phép tính 234 × 2 - 129 là:

A. 320 **B.** 340 **C.** 329 **D.** 339

Câu 6. 7 lần của 49 lít là:

A. 343 lít **B.** 7 **C.** 343 **D.** 7 lít

II. Tự luận: (7 điểm)

Câu 7. Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

a. 345 + 219 b. 274 - 198 c. 167 × 3 d. 184 : 3

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 8. Tính: (1 điểm)

a. 56dm : 8 = ... b. 9kg × 7 : 3 = ... c. 14km : 2 + 148km = ... d. 500kg : 2 - 150kg = ...

.....
.....
.....

Câu 9. Tìm x: (1 điểm)

a. x : 112 = 8 b. 240 : x + 1 = 81 : 9

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 10. Một cửa hàng có 165kg gạo. Sau khi bán 45kg gạo, người đó san đều số gạo còn lại vào 8 túi. Hỏi mỗi túi có bao nhiêu ki-lô-gam gạo? (2 điểm)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 11. Hình vẽ sau có bao nhiêu hình tam giác, bao nhiêu hình tứ giác? (1 điểm)

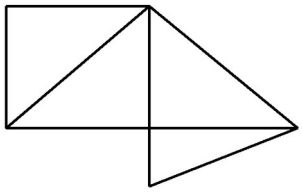

.....
.....
.....
.....

ĐỀ 06	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm:

Câu 1. 7m 50cm = ….cm. Số cần điền là:

A. 750 **B.** 705 **C.** 507 570

Câu 2. Chu vi của hình chữ nhật có chiều rộng là 40cm, chiều dài gấp đôi chiều rộng là:

A. 80cm **B.** 120cm **C.** 240cm **D.** 60cm

Câu 3. Tích của hai số là 456, biết thừa số thứ nhất là 3. Thừa số thứ hai là:

A. 150 **B.** 152 **C.** 112 **D.** 102

Câu 4. Số lớn nhất nhỏ hơn 345 là:

A. 999 **B.** 343 **C.** 344 **D.** 1000

Câu 5. Hình dưới đây có:

A. 4 tam giác và 3 tứ giác.

B. 4 tam giác và 5 tứ giác.

C. 5 tam giác và 4 tứ giác.

D. 5 tam giác và 5 tứ giác.

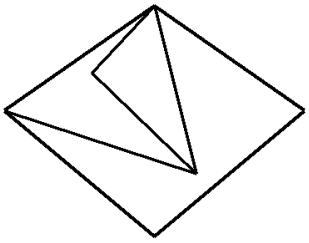

Câu 6. An có 49 quyển vở, Số vở của Bình bằng $\frac{1}{7}$ số vở của An. Hỏi Bình có bao nhiêu quyển vở?

A. 7 quyển vở

B. 54 quyển vở

C. 343 quyển vở

D. 50 quyển vở

II. Tự luận:

Câu 7. Đặt tính rồi tính:

a. 243 – 198 b. 8 × 34 c. 879 : 3 d. 765 : 9

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8. Tìm x biết:

a. 122 : x = 98 – 96

b. 47 : x = 3 (dư 2)

.....

.....

.....

.....

Câu 9. Hùng có 24 quyển truyện. Sau khi Hùng cho em $\frac{1}{6}$ số quyển truyện mình có thì Hùng còn lại bao nhiêu quyển truyện?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10. Tìm số có hai chữ số có tích các chữ số là 18 và hiệu giữa chữ số hàng chục và hàng đơn vị là 7.

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 07	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm: (4 điểm)

Bài 1. Trong phép chia có dư với số chia là 5, số dư lớn nhất có thể có trong phép chia đó là:

A. 3 **B.** 4 **C.** 5 **D.** 6

Bài 2. Tính giá trị của biểu thức: 105 + 45 : 9

A. 16 **B.** 17 **C.** 110 **D.** 100

Bài 3. Tìm số dư trong phép chia: 50 : 7

A. 1 **B.** 5 **C.** 3 **D.** 2

Bài 4. 9km 30dam = ...hm. Số thích hợp viết vào chỗ chấm là:

A. 930 **B.** 903 **C.** 93 **D.** 39

II. Tự luận: (6 điểm)

Bài 5. Đặt tính rồi tính (2 điểm)

a. 902 – 379 b. 236 × 4 c. 928 : 4 d. 799 : 3

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 6. Một cửa hàng buổi sáng bán được 70 chiếc xe, số chiếc xe bán được trong buổi chiều nhiều gấp 3 lần so với buổi sáng. Hỏi buổi chiều cửa hàng bán được bao nhiêu chiếc xe? (1 điểm)

Bài giải:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 7. Một hình chữ nhật có chiều dài 36m, chiều rộng bằng $\frac{1}{2}$ chiều dài. Tính chu vi hình chữ nhật đó. (2 điểm)

Bài giải:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 8. Tìm số bé nhất có 3 chữ số khác nhau lập được từ các số: 0; 3; 7; 9. (1 điểm)

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 08	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm:

Câu 1. Kết quả của biểu thức 96 : 3 + 12 là:

A. 42 **B.** 44 **C.** 34 **D.** 15

Câu 2. $\frac{1}{3}$ của 57m là:

A. 17 **B.** 18 **C.** 19 **D.** 20

Câu 3. Chu vi của một mảnh vườn hình vuông có độ dài cạnh 12m là:

A. 24m **B.** 48m **C.** 12m **D.** 6m

Câu 4. 7m 5dm = …cm. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 75 **B.** 705 **C.** 507 **D.** 750

Câu 5. … : 3 = 43. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 129 **B.** 110 **C.** 11 **D.** 12

Câu 6. Hình sau có số góc vuông là:

A. 4 **B.** 5 **C.** 6 **D.** 7

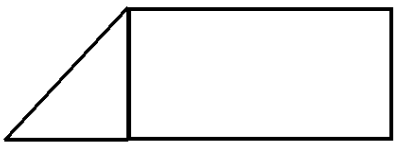

II. Tự luận:

Câu 7. Đặt tính rồi tính:

a. 436 × 2 b. 951 : 3 c. 567 : 4

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8. Tính giá trị của biểu thức:

a. 134 × (78 – 75)

b. (690 – 234) : 8

.....

.....

.....

.....

Câu 9. Trong vườn có 48 cây bưởi. Số cây cam ít hơn số cây bưởi 40 cây. Hỏi số cây bưởi gấp mấy lần số cây cam?

Bài giải:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10. Tổng của hai số gấp 3 lần số hạng thứ nhất, biết số hạng thứ nhất là 48. Tìm số hạng thứ hai.

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 09	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm: (4 điểm)

Câu 1. 9hm 7m = ….m. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 97 **B.** 970 **C.** 907 **D.** 79

Câu 2. Kết quả của phép tính 405 : 3 + 2 là:

A. 81 **B.** 135 **C.** 87 **D.** 137

Câu 3. Năm nay Lan 8 tuổi, mẹ hơn Lan 24 tuổi. Hỏi năm nay tuổi Lan bằng một phần mấy tuổi mẹ?

A. 1/3 **B.** 1/2 **C.** 1/4 **D.** 1/6

Câu 4. Cho một số, biết số đó chia 6 dư 4. Vậy khi chia số đó cho 2 thì số dư là:

A. 0 **B.** 1 **C.** 2 **D.** 3

II. Tự luận:

Câu 5. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: (1,5 điểm)

a. 80dam 6m = ….m; b. 5l + 27l = ….; c. 1/3 của 12 giờ là ….

Câu 6. Tìm x: (1 điểm)

a. x : 7 = 25 + 29 b. 405 – x = 234 : 2

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 7. Cô giáo có 35 quyển vở. Cô giáo phát phần thưởng cho học sinh hết $\frac{1}{5}$ số vở đó. Hỏi cô giáo còn lại là bao nhiêu quyển vở? (2 điểm)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8. Tính chu vi của một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng 6m, chiều dài gấp 5 lần chiều rộng. (1 điểm)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 9. Tìm một số biết rằng lấy số đó nhân với 3 rồi cộng với 64 thì được kết quả là 88? (0.5 điểm)

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 10	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm: (3 điểm)

Câu 1. Kết quả của phép tính 103 × 9 là:

A. 107 **B.** 907 **C.** 917 **D.** 927

Câu 2. Có 56 lít dầu chứa đều trong 8 can. Hỏi 7 can chứa được bao nhiêu lít dầu?

A. 49 lít **B.** 50 lít **C.** 1 lít **D.** 448 lít

Câu 3. Trình tự sắp xếp thứ tự từ bé đến lớn của các số 78; 192; 496; 385; 981; 108 là:

A. 192; 108; 385; 496; 78; 981 **B.** 78; 108; 192; 385; 496; 981

C. 108; 192; 385; 496; 78; 981 **D.** 192; 496; 385; 108; 78; 981

Câu 4. Cho hình chữ nhật có chiều dài 50m, chiều rộng bằng 1/5 chiều dài. Chu vi hình chữ nhật là:

A. 60m **B.** 120m **C.** 240m **D.** 250m

Câu 5. Giá trị của biểu thức 234 + 123 × 3 là:

A. 1000 **B.** 603 **C.** 630 **D.** 970

Câu 6. Hình vẽ có:

A. 3 tam giác và 1 tứ giác. **B.** 3 tam giác và 2 tứ giác.

C. 4 tam giác và 1 tứ giác. **D.** 4 tam giác và 2 tứ giác.

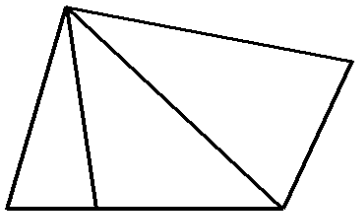

II. Tự luận: (7 điểm)

Câu 7. Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

a. 688 – 209 b. 249 + 556 c. 148 × 4 d. 750 : 6

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8. Tìm x: (2 điểm)

a. x : 7 = 104 – 3 b. 559 – x = 289 – 5

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 9. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: (1 điểm)

a. 3m5dm = ……cm; b. 4hm 40m = …..m; c. 8dam 50dm = …….m;

Câu 10. Một đàn gà có 40 con gà trống, số gà mái bằng $\frac{1}{8}$ số gà trống. Hỏi đàn gà có bao nhiêu con gà trống và gà mái? (2 điểm)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 11	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm: Hãy khoanh tròn vào chữ cái A, B, C, D đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Kết quả của phép tính 78 : 6 là:

A. 11 **B.** 12 **C.** 13 **D.** 14

Câu 2. $\frac{1}{8}$ của 104kg là:

A. 832kg **B.** 832 lít **C.** 13 lít **D.** 13kg

Câu 3. Giá trị biểu thức: 976 : 8 + 1 là:

A. 120 **B.** 122 **C.** 123 **D.** 124

Câu 4. Số góc vuông có trong hình vẽ là:

A. 9 **B.** 7 **C.** 6 **D.** 8

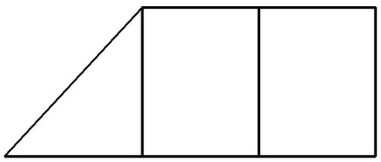

Câu 5. … : 4 = 24. Điền vào chỗ chấm?

A. 6 **B.** 98 **C.** 96 **D.** 12

Câu 6. Cạnh của hình vuông biết chu vi bằng 36cm là:

A. 13cm **B.** 9cm **C.** 6cm **D.** 1cm

II. Tự luận:

Câu 7. Tính:

a. 395 + 437 b. 597 - 248 c. 154 × 4 d. 495 : 5

……
……
……
……
……

Câu 8. Tìm x:

a. 456 : x = 4 b. x × 7 = 200 - 25

……
……
……
……

Câu 9. Cuộn dây điện dài 64m được cắt thành 8 đoạn dây bằng nhau. Hỏi cuộn dây 720m thì được cắt thành bao nhiêu đoạn dây như thế?

……
……

……
……
……
……

Câu 10. Hùng đang nghĩ tới một số có ba chữ số, biết rằng số tròn chục lớn nhất có ba chữ số nhiều hơn số đó là 348 đơn vị. Tìm số Hùng nghĩ.

……
……
……
……
……

ĐỀ 12	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm: Hãy khoanh tròn vào chữ cái A, B, C, D đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Kết quả của phép tính 125 + 345 : 5 là:

A. 194 **B.** 470 **C.** 450 **D.** 94

Câu 2. $\frac{1}{8}$ của 56 lít là:

A. 8 **B.** 8 lít **C.** 7 **D.** 7 lít

Câu 3. Một quả tạ nặng 35kg. 5 quả như thế nặng số ki-lô-gam là:

A. 155 **B.** 175 **C.** 165 **D.** 255

Câu 4. Số góc vuông có trong hình vẽ là:

A. 5 **B.** 7 **C.** 6 **D.** 8

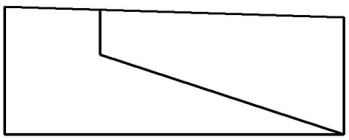

Câu 5. 7m 5dm = …cm. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 75 **B.** 57 **C.** 750 **D.** 705

Câu 6. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 35m, chiều rộng bằng $\frac{1}{5}$ chiều dài. Chu vi mảnh vườn hình chữ nhật là:

A. 84m **B.** 42m **C.** 40m **D.** 80m

II. Tự luận:

Câu 7. Tính:

a. 444 - 364 b. 243 + 139 c. 5 × 153 d. 584 : 4

……
……
……
……
……

Câu 8. Tìm y:

a. y : 32 = 5 + 3

b. y × 5 = 100 - 45

……
……
……
……

Câu 9. Một cửa hàng có 567kg gạo, người ta bán đi 87kg. Số còn lại đóng đều vào 8 túi. Hỏi mỗi túi có bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

……
……
……
……
……
……

Câu 10. Thêm dấu ngoặc đơn vào biểu thức sau để được biểu thức mới có giá trị bằng 110.

50 - 5 × 4 - 70

……
……
……
……

ĐỀ 13	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm: (3 điểm)

Câu 1. Kết quả của phép tính (81 + 15) : 8 + 4 là: (0,5 điểm)

A. 12 **B.** 16 **C.** 20 **D.** 24

Câu 2. Một hình chữ nhật có chiều rộng bằng 23cm, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Chu vi hình chữ nhật là: (1 điểm)

A. 69cm **B.** 92cm **C.** 138cm **D.** 184cm

Câu 3. 4hm 5m = ….m. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là: (0,5 điểm)

A. 405 **B.** 45 **C.** 450 **D.** 54

Câu 4. Hình vẽ sau có …. hình tứ giác. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là: (0,5 điểm)

A. 2 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 5

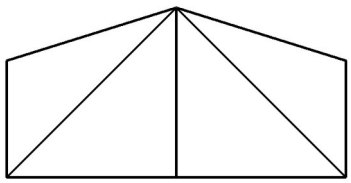

Câu 5. Cho phép chia 789 : 7. Số dư của phép chia là: (0,5 điểm)

A. 3 **B.** 4 **C.** 5 **D.** 6

II. Tự luận: (7 điểm)

Câu 6. Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

a. 345 + 228 b. 465 - 259 c. 295 × 3 d. 468 : 4

……
……
……
……
……

Câu 7. Tìm x biết: (2 điểm)

a. 315 + x = 981 : 3 b. x : 3 = 350 - 21

……
……

.....

.....

.....

Câu 8. Có 45 học sinh xếp đều vào 5 hàng. Hỏi có 225 học sinh thì xếp được vào bao nhiêu hàng như thế? (2 điểm)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 9. Điền số thích hợp vào dấu *: (1 điểm)

$$\begin{array}{rr} & *25 \\ \times & 3 \\ \hline & 6** \end{array}$$

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 14	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm: (3,5 điểm)

Câu 1. Kết quả của phép tính 657 : 9 là: (1 điểm)

A. 73 **B.** 13 **C.** 63 **D.** 53

Câu 2. Một hình vuông có độ dài một cạnh là 35cm. Chu vi của hình vuông đó là: (1 điểm)

A. 70cm **B.** 140dm **C.** 70dm **D.** 140cm

Câu 3. 4km 3hm = …..dam. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là: (0,5 điểm)

A. 43 **B.** 403 **C.** 430 **D.** 34

Câu 4. Hình vẽ sau có …. hình tứ giác. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là: (1 điểm)

A. 2 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 5

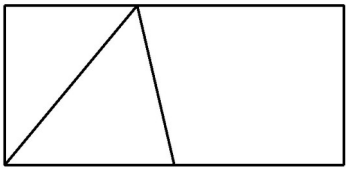

Câu 5. Phép chia 563 : 5 có số dư là:

A. 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

Câu 6. 231 : x = 51 - 48. Giá trị của x là:

A. 639 **B.** 693 **C.** 77 **D.** 58

II. Tự luận: (6 điểm)

Câu 7. Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

a. 456 + 127 b. 485 - 138 c. 104 × 7 d. 549 : 4

……

……

……

……

……

Câu 8. Tìm x biết: (2 điểm)

a. 634 - x = 327 : 3 b. x : 7 = 24 (dư 2)

……

.....
.....
.....
.....

Câu 9. Lớp 3A có 54 học sinh. Cô giáo cử $\frac{1}{9}$ số học sinh của lớp đi thi học sinh giỏi. Hỏi lớp còn bao nhiêu bạn không đi thi học sinh giỏi? (2 điểm)

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 10. Tìm số có ba chữ số biết lấy số đó nhân cho 3 rồi cộng với 8 ta được kết quả bằng 593.

.....
.....
.....
.....
.....

ĐỀ 15	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm:

Câu 1. Kết quả của phép tính 54hm : 6 + 13hm = …..:

A. 21 **B.** 21hm **C.** 22 **D.** 22hm

Câu 2. Nhà Hoa có 5 chuồng gà, mỗi chuồng có 9 con gà. Hôm nay nhà Hoa bán đi $\frac{1}{9}$ số gà. Hỏi nhà Hoa hôm nay bán đi bao nhiêu con gà?

A. 5 con gà **B.** 9 con gà **C.** 45 con gà **D.** 405 con gà

Câu 3. Tích của hai số là 112, biết thừa số thứ nhất là 4. Thừa số thứ hai là:

A. 13 **B.** 28 **C.** 3 **D.** 30

Câu 4. Số tròn chục nhỏ nhất có ba chữ số khác nhau là:

A. 100 **B.** 101 **C.** 102 **D.** 120

Câu 5. Hình dưới đây có số hình tứ giác là:

A. 6 **B.** 7 **C.** 9 **D.** 8

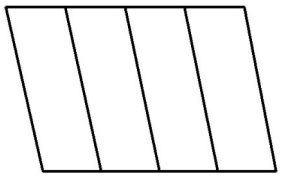

Câu 6. Trong đợt Kế hoạch nhỏ, lớp 3A thu được 21kg giấy vụn, lớp 3B thu được số giấy vụn gấp 3 lần số giấy vụn của lớp 3**A.** Cả hai lớp thu được số ki-lô-gam giấy vụn là:

A. 61kg **B.** 63kg **C.** 82kg **D.** 84kg

II. Tự luận:

Câu 7. Đặt tính rồi tính:

a. 496 + 249 b. 144 - 99 c. 174 : 3 d. 665 : 7

……
……
……
……
……

Câu 8. Tìm x biết:

a. 345 : x = 132 - 127

b. x - 123 = 235 : 5

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 9. Lớp 3A và 3B có tổng cộng 99 học sinh, lớp 3A có số học sinh bằng $\frac{1}{3}$ tổng số học sinh của 2 lớp. Tính số học sinh của lớp 3B?

Bài giải:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 10. Điền +, -, ×, : vào ô trống sao cho thích hợp:

12 □ 9 □ 8 = 100

.....
.....
.....
.....

ĐỀ 16	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm: (3 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

Câu 1. Kết quả của phép tính: 317 × 2 là:

A. 624 **B.** 634 **C.** 324 **D.** 614

Câu 2. Kết quả của phép tính: 396 : 9 là:

A. 31 **B.** 24 **C.** 34 **D.** 44

Câu 3. 6m 40cm = …….cm. Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

A. 604 **B.** 64 **C.** 406 **D.** 640

Câu 4. Một hình vuông có cạnh bằng 9cm. Chu vi hình vuông đó là:

A. 36cm **B.** 18cm **C.** 9cm **D.** 72cm

Câu 5. Một phép chia có số dư lớn nhất là 8. Số chia là:

A. 7 **B.** 9 **C.** 12 **D.** 18

Câu 6. Biểu thức 210 + 10 × 3 có giá trị là:

A. 240 **B.** 660 **C.** 550 **D.** 313

II. Tự luận: (7 điểm)

Câu 7. Tìm x: (2 điểm)

a. 324 : x = 2 b. 9 × x = 513

.....

.....

.....

Câu 8. Dựa vào tóm tắt sau, em hãy giải bài toán: (2 điểm)

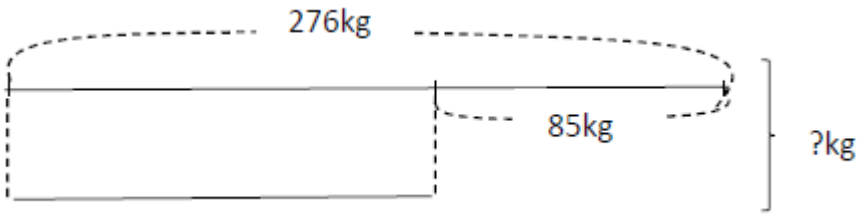

Bài giải:

.....

.....

.....

.....

Câu 9. Một thùng đựng 64 lít nước. Người ta đã lấy ra $\frac{1}{8}$ số lít nước. Hỏi trong thùng còn lại bao nhiêu lít nước? (2 điểm)

Bài giải:

.....

.....

.....

.....

Câu 10. (1 điểm) Hình bên có:

- ……. hình tam giác.
- ……. hình tứ giác.

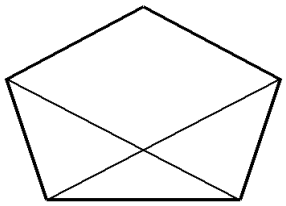

ĐỀ 17	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm: Hãy khoanh tròn vào chữ cái A, B, C, D đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Số 907 được đọc là:

A. Chín bảy

B. Chín trăm linh bảy

C. Chín mươi bảy

D. bảy trăm linh chín

Câu 2. Số 17 gấp 3 lần là:

A. 51 **B.** 37 **C.** 31 **D.** 317

Câu 3. Giá trị biểu thức: 153 : 9 – 96 : 8 là:

A. **B.** 655 **C.** 15 **D.** 5

Câu 4. Số hình chữ nhật trong hình vẽ là:

A. 2 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 5

Câu 5. 8kg = …g. Điền vào chỗ chấm?

A. 8000 **B.** 80 **C.** 800 **D.** 8

Câu 6. Cạnh của hình vuông biết chu vi bằng 24cm là:

A. 12cm **B.** 6cm **C.** 3cm **D.** 1cm

II. Tự luận:

Câu 7. Điền số thích hợp vào chỗ trống:

a) 6hm9dam = ……dam **b)** 3hm4dam – 1hm5dam = ….dam

Câu 8. Tính:

a. 356 + 118 b. 985 – 237 c. 256 × 3 d. 453 : 3

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 9. Tìm x:

a. x : 101 = 8 b. x × 8 = 896

.....

.....

.....

.....

Câu 10. Anh có 69 viên bi, số bi của em bằng $\frac{1}{3}$ số bi của anh. Hỏi cả hai anh em có bao nhiêu viên bi?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 11. Hình bên có:

a. ….. hình tam giác.

b. ….. hình chữ nhật.

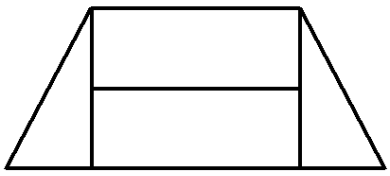

ĐỀ 18	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm: Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Kết quả của phép tính: 349 × 2 là:

A. 688 **B.** 698 **C.** 689 **D.** 886

Câu 2. 36 học sinh xếp thành 4 hàng. 126 học sinh sẽ xếp được số hàng là:

A. 22 **B.** 14 **C.** 18 **D.** 16

Câu 3. Cho dãy số 7; 10; 13; 16; 19; …; …; … Các số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 20; 23; 26 **B.** 22; 25; 29

C. 22; 24; 27 **D.** 22; 25; 28

Câu 4. Chu vi của hình sau là:

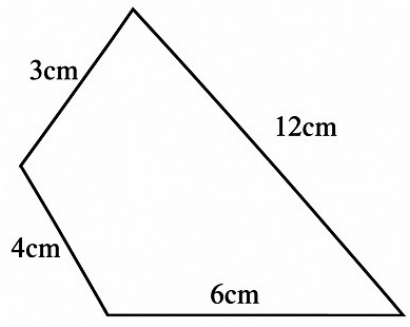

A. 15cm **B.** 12cm **C.** 25cm **D.** 36cm

Câu 5. Kết quả của phép tính 48 : 4 × 2 là:

A. 24 **B.** 6 **C.** 14 **D.** 20

Câu 6. Lớp 3A có 40 học sinh. $\frac{1}{5}$ số học sinh của lớp là:

A. 200 học sinh **B.** 5 học sinh

C. 8 học sinh **D.** 6 học sinh

II. Tự luận.

Câu 7. Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

a. 345 + 569 b. 567 – 129 c. 67 × 9 d. 68 : 8

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8. Thực hiện phép tính: (1 điểm)

a. 345 : 5 + 234 = b. 2 × 345 – 323 =

.....

.....

.....

.....

Câu 9. Tìm x: (1 điểm)

a. x : 8 = 48 : 4 b. 234 – x = 422 : 2

.....

.....

.....

.....

Câu 10. Lớp 3A có 34 học sinh. Lớp 3B có ít hơn lớp 3A 9 học sinh. Hỏi cả hai lớp có bao nhiêu học sinh? (2 điểm)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 11. Tính (1 điểm)

100 – 98 + 96 – 94 + 92 – 90 + ... + 52 – 50

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 19	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm: Chọn câu trả lời đúng:

Câu 1. 2m40dm = …cm. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 240 **B.** 24 **C.** 60 **D.** 600

Câu 2. Giá trị của biểu thức 15 + 45 : 5 là:

A. 12 **B.** 24 **C.** 14 **D.** 22

Câu 3. $\frac{1}{7}$ của 49 là:

A. 7 **B.** 343 **C.** 243 **D.** 253

Câu 4. Lan ngủ từ 10h tối đến 6 giờ sáng. Lan ngủ số giờ là:

A. 6 giờ **B.** 7 giờ **C.** 8 giờ **D.** 10 giờ

Câu 5. Hiệu của số nhỏ nhất có 3 chữ số và 27 là:

A. 53 **B.** 63 **C.** 73 **D.** 77

Câu 6. Nhà Lan nuôi 36 con gà, số con vịt bằng $\frac{1}{3}$ số con gà. Vậy nhà Lan nuôi tất cả số con gà và vịt là:

A. 48 con **B.** 12 con **C.** 24 con **D.** 36 con

II. Tự luận:

Câu 7. Thực hiện phép tính:

a. 345 + 245 b. 921 – 197 c. 104 × 9 d. 986 : 9

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8. Tìm x:

a. 469 – x = 123 b. x : 7 = 108 + 29

.....

.....

.....

.....

Câu 9. Cô giáo có 55 quyển sách. Sau khi thưởng cho các bạn học sinh giỏi, số quyển sách còn lại bằng $\frac{1}{5}$ số sách ban đầu. Hỏi cô đã thưởng cho các bạn học sinh giỏi bao nhiêu quyển sách?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10. Ngày 18 tháng 3 là thứ ba. Hỏi ngày 27 tháng 3 cùng năm đó là thứ mấy?

.....

.....

.....

.....

Câu 11. Hình sau có:

….. hình tam giác,

….. hình tứ giác

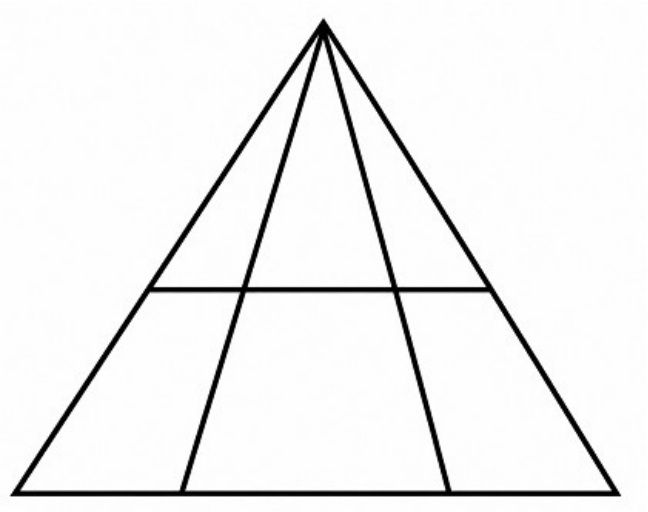

ĐỀ 20	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 3

I. Trắc nghiệm:

Câu 1. Giá trị của phép tính 109 × 8 là:

A. 802 **B.** 872 **C.** 852 **D.** 882

Câu 2. 136 + 497 … 584 + 34. Dấu cần điền vào chỗ chấm là:

A. > **B.** < **C.** =

Câu 3. $\frac{1}{6}$ của 42kg thêm 4kg thì được:

A. 7kg **B.** 11kg **C.** 3kg **D.** 28kg

Câu 4. Số lẻ liền trước của số nhỏ nhất có 3 chữ số là:

A. 99 **B.** 100 **C.** 101 **D.** 103

Câu 5. Giá trị của biểu thức: 48 : 4 × 6 là:

A. 12 **B.** 36 **C.** 2 **D.** 72

Câu 6. Một sợi dây dài 3m5dm. An cắt một đoạn dây dài bằng $\frac{1}{5}$ độ dài sợi dây đó. Độ dài đoạn dây An đã cắt là:

A. 7m **B.** 61dm **C.** 7dm **D.** 6dm

II. Tự luận:

Câu 7. Đặt tính rồi tính:

a. 356 + 188 b. 125 × 7 c. 988 : 4

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8. Tìm a biết:

a. a : 6 = 73 b. 456 – a = 783 : 9

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 9. Lớp 3A có 36 bạn. Đội văn nghệ của nhà trường đã chọn $\frac{1}{4}$ số học sinh của lớp 3A tham gia vào đội. Hỏi còn có bao nhiêu học sinh của lớp 3A không tham gia vào đội văn nghệ của nhà trường?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10. Tìm số tự nhiên biết rằng nếu lấy $\frac{1}{3}$ số đó cộng với 24 thì được kết quả là 51.

.....

.....

.....

.....

Câu 11. Hình vẽ sau có bao nhiêu góc vuông?

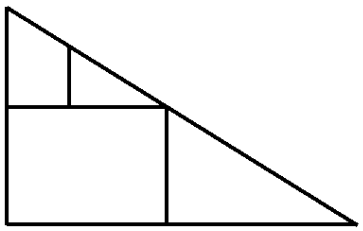

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI THAM KHẢO

ĐỀ SỐ 01

I. Trắc nghiệm

Câu 1.

134 × 5 = 670.

Đáp án: B

Câu 2.

549 : 9 = 61.

Đáp án: C

Câu 3.

5 hm = 500 m; 500 + 4 = 504 m.

Đáp án: D

Câu 4.

Chiều rộng = 36 : 4 = 9 cm.

Đáp án: B

Câu 5.

Số dư lớn nhất là 4 nên số chia là 4 + 1 = 5.

Đáp án: A

Câu 6.

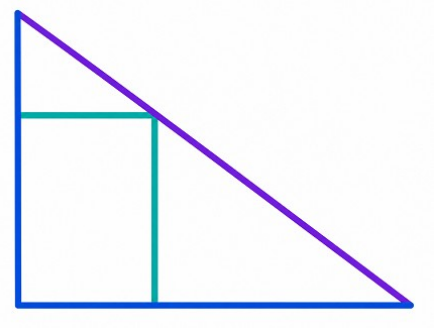

Đếm theo hình gốc: có 6 góc vuông.

Đáp án: B

II. Tự luận

Câu 7a.

341 - 338 = 3. Ta có 243 : x = 3 nên x = 243 : 3 = 81.

Đáp án: x = 81

Câu 7b.

28 + 8 = 36. Ta có x × 6 = 36 nên x = 36 : 6 = 6.

Đáp án: x = 6

Câu 8.

Bài giải

Số viên bi Hùng cho Tú là:

68 : 4 = 17 (viên)

Hùng còn lại số viên bi là:

68 - 17 = 51 (viên)

Đáp số: 51 viên bi

Câu 9.

Bài giải

Số vở của Ngọc là:

34 × 3 = 102 (quyển)

Ngọc và Bình có tất cả:

102 + 34 = 136 (quyển)

Đáp số: 136 quyển vở

Câu 10.

x : 5 : 2 = 15. Làm ngược lại: x : 5 = 15 × 2 = 30; x = 30 × 5 = 150.

Đáp án: x = 150

ĐỀ SỐ 02

I. Trắc nghiệm

Câu 1.

Trong số 689, chữ số 8 ở hàng chục nên có giá trị 80.

Đáp án: B

Câu 2.

56 : 7 + 46 = 8 + 46 = 54.

Đáp án: B

Câu 3.

4 hm = 400 m; 400 + 7 = 407 m.

Đáp án: A

Câu 4.

ABCD là hình chữ nhật (được vẽ nghiêng), nên có 4 góc vuông.

Đáp án: C

Câu 5.

134 × 7 = 938.

Đáp án: C

Câu 6.

Gấp 12 lên 6 lần: 12 × 6 = 72.

Đáp án: C

II. Tự luận

Câu 7a.

131 + 139 = 270.

Đáp án: 270

Câu 7b.

325 - 139 = 186.

Đáp án: 186

Câu 7c.

107 × 8 = 856.

Đáp án: 856

Câu 7d.

364 : 4 = 91.

Đáp án: 91

Câu 8.

Bài giải

Số trang An đã đọc là:

136 : 4 = 34 (trang)

Số trang An chưa đọc là:

136 - 34 = 102 (trang)

Đáp số: 102 trang

Câu 9a.

x × 5 - 9 = 476 nên x × 5 = 476 + 9 = 485. Vậy x = 485 : 5 = 97.

Đáp án: x = 97

Câu 9b.

72 - 59 = 13. Ta có x : 7 = 13 nên x = 13 × 7 = 91.

Đáp án: x = 91

ĐỀ SỐ 03

I. Trắc nghiệm

Câu 1.

Trong các đáp án, 920 là số chẵn, có 3 chữ số, tổng các chữ số là 9 + 2 + 0 = 11 và lớn nhất.

Đáp án: C

Câu 2.

Các số đều là số lẻ; số nhỏ nhất là 339.

Đáp án: B

Câu 3.

3 m = 300 cm; 300 + 19 = 319 cm.

Đáp án: A

Câu 4.

546 + 248 = 794.

Đáp án: B

Câu 5.

19 lít gấp 5 lần là 19 × 5 = 95 lít.

Đáp án: D

Câu 6.

1/2 của 36 quả là 36 : 2 = 18 quả.

Đáp án: B

II. Tự luận

Câu 7a.

345 + 87 : 3 = 345 + 29 = 374.

Đáp án: 374

Câu 7b.

(475 - 384) × 3 = 91 × 3 = 273.

Đáp án: 273

Câu 8a.

x : 5 = 14 dư 2 nên x = 14 × 5 + 2 = 72.

Đáp án: x = 72

Câu 8b.

89 : x = 8 dư 1 nên 89 = 8 × x + 1. Ta có 88 = 8 × x, vậy x = 11.

Đáp án: x = 11

Câu 9.

Bài giải

Tuổi con là:

36 - 30 = 6 (tuổi)

Tuổi mẹ gấp tuổi con số lần là:

36 : 6 = 6 (lần)

Đáp số: 6 lần

Câu 10.

Bài giải

Chiều dài khu đất là:

124 × 3 = 372 (m)

Chu vi khu đất là:

(372 + 124) × 2 = 992 (m)

Đáp số: 992 m

Câu 11.

Hình là lưới 4 × 4. Có 16 hình vuông nhỏ 1 × 1; 9 hình vuông 2 × 2; 4 hình vuông 3 × 3; 1 hình vuông 4 × 4. Tổng: 16 + 9 + 4 + 1 = 30.

Đáp án: 30 hình vuông

ĐỀ SỐ 04

I. Trắc nghiệm

Câu 1.

74 : x = 8 dư 2 nên 74 = 8 × x + 2. Ta có 72 = 8 × x, vậy x = 9.

Đáp án: C

Câu 2.

5 m = 500 cm; 4 dm = 40 cm. Vậy 5 m 4 dm = 540 cm.

Đáp án: C

Câu 3.

Minh cho Hùng: 45 : 9 = 5 viên. Minh còn: 45 - 5 = 40 viên.

Đáp án: B

Câu 4.

389 : 7 = 55 dư 4.

Đáp án: A

Câu 5.

Chiều dài = 30 × 2 = 60 cm. Chu vi = (60 + 30) × 2 = 180 cm.

Đáp án: C

Câu 6.

Theo hình gốc: hai góc vuông ở phía trên của hình chữ nhật giữa và bốn góc vuông ở hai chân đường thẳng đứng, tổng cộng 6 góc vuông.

Đáp án: C

II. Tự luận

Câu 7a.

665 + 245 = 910.

Đáp án: 910

Câu 7b.

600 - 387 = 213.

Đáp án: 213

Câu 7c.

284 × 3 = 852.

Đáp án: 852

Câu 7d.

780 : 4 = 195.

Đáp án: 195

Câu 8a.

x × 9 + 273 = 363 nên x × 9 = 363 - 273 = 90; x = 90 : 9 = 10.

Đáp án: x = 10

Câu 8b.

x : 7 = 123 nên x = 123 × 7 = 861.

Đáp án: x = 861

Câu 8c.

x - 384 + 124 = 173. Ta có x - 260 = 173 nên x = 173 + 260 = 433.

Đáp án: x = 433

Câu 9.

Bài giải

Chiều rộng hình chữ nhật là:

144 : 3 = 48 (cm)

Chu vi hình chữ nhật là:

(144 + 48) × 2 = 384 (cm)

Đáp số: 384 cm

Câu 10.

Số chia là 4 nên số dư lớn nhất là 3. Số bị chia = thương × số chia + số dư = 7 × 4 + 3 = 31.

Đáp án: 31

ĐỀ SỐ 05

I. Trắc nghiệm

Câu 1.

342 : 9 = 38.

Đáp án: B

Câu 2.

Mỗi túi có: 135 : 5 = 27 chiếc kẹo. 8 túi có: 27 × 8 = 216 chiếc kẹo.

Đáp án: C

Câu 3.

AB = 10 cm và dài gấp 2 lần BC nên BC = 10 : 2 = 5 cm. Đường gấp khúc dài: 10 + 5 = 15 cm.

Đáp án: C

Câu 4.

3 trăm + 4 chục + 5 đơn vị = 345.

Đáp án: B

Câu 5.

234 × 2 - 129 = 468 - 129 = 339.

Đáp án: D

Câu 6.

7 lần của 49 lít là: 49 × 7 = 343 lít.

Đáp án: A

II. Tự luận

Câu 7a.

345 + 219 = 564.

Đáp án: 564

Câu 7b.

274 - 198 = 76.

Đáp án: 76

Câu 7c.

167 × 3 = 501.

Đáp án: 501

Câu 7d.

184 : 3 = 61 dư 1.

Đáp án: 61 dư 1

Câu 8a.

56 dm : 8 = 7 dm.

Đáp án: 7 dm

Câu 8b.

9 kg × 7 : 3 = 63 kg : 3 = 21 kg.

Đáp án: 21 kg

Câu 8c.

14 km : 2 + 148 km = 7 km + 148 km = 155 km.

Đáp án: 155 km

Câu 8d.

500 kg : 2 - 150 kg = 250 kg - 150 kg = 100 kg.

Đáp án: 100 kg

Câu 9a.

x : 112 = 8 nên x = 112 × 8 = 896.

Đáp án: x = 896

Câu 9b.

81 : 9 = 9. Ta có 240 : x + 1 = 9 nên 240 : x = 8. Vậy x = 240 : 8 = 30.

Đáp án: x = 30

Câu 10.

Bài giải

Số gạo còn lại là:

165 - 45 = 120 (kg)

Mỗi túi có số ki-lô-gam gạo là:

120 : 8 = 15 (kg)

Đáp số: 15 kg

Câu 11.

Đếm theo hình: có 6 hình tam giác và 3 hình tứ giác. Có thể đếm từ các hình nhỏ trước, rồi ghép các hình nhỏ thành hình lớn để tránh bỏ sót.

Đáp án: 6 tam giác; 3 tứ giác

ĐỀ SỐ 6

I. Trắc nghiệm

Câu 1.

7 m = 700 cm; 700 + 50 = 750 cm.

Đáp án: A

Câu 2.

Chiều dài = 40 × 2 = 80 cm. Chu vi = (80 + 40) × 2 = 240 cm.

Đáp án: C

Câu 3.

Thừa số thứ hai = 456 : 3 = 152.

Đáp án: B

Câu 4.

Số lớn nhất nhỏ hơn 345 là 344.

Đáp án: C

Câu 5.

Đếm hình: có 5 tam giác và 5 tứ giác.

Đáp án: D

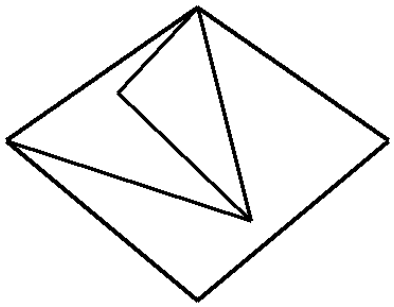

Câu 6.

Số vở của Bình = 49 : 7 = 7 quyển.

Đáp án: A

II. Tự luận

Câu 7a.

243 - 198 = 45.

Đáp án: 45

Câu 7b.

8 × 34 = 272.

Đáp án: 272

Câu 7c.

879 : 3 = 293.

Đáp án: 293

Câu 7d.

765 : 9 = 85.

Đáp án: 85

Câu 8a.

98 - 96 = 2 nên 122 : x = 2. Vậy x = 122 : 2 = 61.

Đáp án: x = 61

Câu 8b.

47 : x = 3 dư 2 nghĩa là 47 = x × 3 + 2. Ta có 47 - 2 = 45; x = 45 : 3 = 15.

Đáp án: x = 15

Câu 9.

Bài giải

Số truyện Hùng cho em là:

24 : 6 = 4 (quyển)

Hùng còn lại số quyển truyện là:

24 - 4 = 20 (quyển)

Đáp số: 20 quyển truyện

Câu 10.

Hai chữ số có tích bằng 18 là 2 và 9 (vì 2 × 9 = 18). Hiệu 9 - 2 = 7. Chữ số hàng chục lớn hơn chữ số hàng đơn vị 7 đơn vị nên số cần tìm là 92.

Đáp án: 92

ĐỀ SỐ 7

I. Trắc nghiệm

Bài 1.

Số chia là 5 nên số dư có thể là 0, 1, 2, 3, 4. Số dư lớn nhất là 4.

Đáp án: B

Bài 2.

45 : 9 = 5; 105 + 5 = 110.

Đáp án: C

Bài 3.

50 : 7 = 7 dư 1.

Đáp án: A

Bài 4.

9 km = 90 hm; 30 dam = 3 hm. Vậy 9 km 30 dam = 93 hm.

Đáp án: C

II. Tự luận

Bài 5a.

902 - 379 = 523.

Đáp án: 523

Bài 5b.

236 × 4 = 944.

Đáp án: 944

Bài 5c.

928 : 4 = 232.

Đáp án: 232

Bài 5d.

799 : 3 = 266 dư 1.

Đáp án: 266 dư 1

Bài 6.

Bài giải

Buổi chiều cửa hàng bán được số xe là:

70 × 3 = 210 (chiếc xe)

Đáp số: 210 chiếc xe

Bài 7.

Bài giải

Chiều rộng hình chữ nhật là:

36 : 2 = 18 (m)

Chu vi hình chữ nhật là:

(36 + 18) × 2 = 108 (m)

Đáp số: 108 m

Bài 8.

Muốn lập số bé nhất có 3 chữ số, chữ số hàng trăm phải nhỏ nhất nhưng không được là 0, nên chọn 3. Hàng chục chọn 0, hàng đơn vị chọn 7. Số cần tìm là 307.

Đáp án: 307

ĐỀ SỐ 8

I. Trắc nghiệm

Câu 1.

96 : 3 + 12 = 32 + 12 = 44.

Đáp án: B

Câu 2.

1/3 của 57 m là 57 : 3 = 19 m.

Đáp án: C

Câu 3.

Chu vi hình vuông = 12 × 4 = 48 m.

Đáp án: B

Câu 4.

7 m = 700 cm; 5 dm = 50 cm. Vậy 7 m 5 dm = 750 cm.

Đáp án: D

Câu 5.

Số cần tìm = 43 × 3 = 129.

Đáp án: A

Câu 6.

Hình chữ nhật có 4 góc vuông, tại góc dưới bên trái còn có thêm 1 góc vuông do đoạn đáy kéo dài sang trái. Tổng cộng 5 góc vuông.

Đáp án: B

II. Tự luận

Câu 7a.

436 × 2 = 872.

Đáp án: 872

Câu 7b.

951 : 3 = 317.

Đáp án: 317

Câu 7c.

567 : 4 = 141 dư 3.

Đáp án: 141 dư 3

Câu 8a.

78 - 75 = 3; 134 × 3 = 402.

Đáp án: 402

Câu 8b.

690 - 234 = 456; 456 : 8 = 57.

Đáp án: 57

Câu 9.

Bài giải

Số cây cam là:

48 - 40 = 8 (cây)

Số cây bưởi gấp số cây cam số lần là:

48 : 8 = 6 (lần)

Đáp số: 6 lần

Câu 10.

Tổng hai số = 48 × 3 = 144. Số hạng thứ hai = 144 - 48 = 96.

Đáp án: 96

ĐỀ SỐ 9

I. Trắc nghiệm

Câu 1.

9 hm = 900 m; 900 + 7 = 907 m.

Đáp án: C

Câu 2.

405 : 3 + 2 = 135 + 2 = 137.

Đáp án: D

Câu 3.

Tuổi mẹ là 8 + 24 = 32 tuổi. Tuổi Lan bằng 8 : 32 = 1/4 tuổi mẹ.

Đáp án: C

Câu 4.

Số đó chia 6 dư 4 nên có dạng 6 × một số + 4. Cả 6 × một số và 4 đều là số chẵn, vì vậy số đó chia 2 dư 0.

Đáp án: A

II. Tự luận

Câu 5a.

80 dam = 800 m; thêm 6 m được 806 m.

Đáp án: 806 m

Câu 5b.

5 l + 27 l = 32 l.

Đáp án: 32 l

Câu 5c.

1/3 của 12 giờ là 12 : 3 = 4 giờ.

Đáp án: 4 giờ

Câu 6a.

25 + 29 = 54 nên x : 7 = 54. Vậy x = 54 × 7 = 378.

Đáp án: x = 378

Câu 6b.

234 : 2 = 117 nên 405 - x = 117. Vậy x = 405 - 117 = 288.

Đáp án: x = 288

Câu 7.

Bài giải

Số vở cô giáo đã phát là:

35 : 5 = 7 (quyển)

Số vở cô giáo còn lại là:

35 - 7 = 28 (quyển)

Đáp số: 28 quyển vở

Câu 8.

Bài giải

Chiều dài mảnh vườn là:

6 × 5 = 30 (m)

Chu vi mảnh vườn là:

(30 + 6) × 2 = 72 (m)

Đáp số: 72 m

Câu 9.

Số đó nhân 3 bằng 88 - 64 = 24. Vậy số đó là 24 : 3 = 8.

Đáp án: 8

ĐỀ SỐ 10

I. Trắc nghiệm

Câu 1.

103 × 9 = 927.

Đáp án: D

Câu 2.

Mỗi can có 56 : 8 = 7 lít dầu. 7 can có 7 × 7 = 49 lít.

Đáp án: A

Câu 3.

Sắp xếp từ bé đến lớn: 78; 108; 192; 385; 496; 981.

Đáp án: B

Câu 4.

Chiều rộng = 50 : 5 = 10 m. Chu vi = (50 + 10) × 2 = 120 m.

Đáp án: B

Câu 5.

Làm phép nhân trước: 123 × 3 = 369. Sau đó 234 + 369 = 603.

Đáp án: B

Câu 6.

Quan sát hình: có 4 tam giác và 2 tứ giác.

Đáp án: D

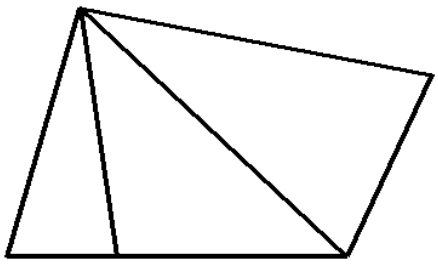

II. Tự luận

Câu 7a.

688 - 209 = 479.

Đáp án: 479

Câu 7b.

249 + 556 = 805.

Đáp án: 805

Câu 7c.

148 × 4 = 592.

Đáp án: 592

Câu 7d.

750 : 6 = 125.

Đáp án: 125

Câu 8a.

104 - 3 = 101 nên x : 7 = 101. Vậy x = 101 × 7 = 707.

Đáp án: x = 707

Câu 8b.

289 - 5 = 284 nên 559 - x = 284. Vậy x = 559 - 284 = 275.

Đáp án: x = 275

Câu 9a.

3 m 5 dm = 300 cm + 50 cm = 350 cm.

Đáp án: 350 cm

Câu 9b.

4 hm = 400 m; 400 + 40 = 440 m.

Đáp án: 440 m

Câu 9c.

8 dam = 80 m; 50 dm = 5 m. Vậy 8 dam 50 dm = 85 m.

Đáp án: 85 m

Câu 10.

Bài giải

Số gà mái là:

40 : 8 = 5 (con)

Đàn gà có tất cả số con là:

40 + 5 = 45 (con)

Đáp số: 45 con

ĐỀ SỐ 11

I. Trắc nghiệm

Câu 1.

78 : 6 = 13.

Đáp án: C

Câu 2.

1/8 của 104 kg là: 104 : 8 = 13 kg.

Đáp án: D

Câu 3.

976 : 8 = 122; 122 + 1 = 123.

Đáp án: C

Câu 4.

Đếm theo hình gốc: ở các chỗ đường thẳng đứng gặp đường nằm ngang có tổng cộng 9 góc vuông.

Đáp án: A

Câu 5.

Số cần điền là: 24 × 4 = 96.

Đáp án: C

Câu 6.

Cạnh hình vuông = chu vi : 4 = 36 : 4 = 9 cm.

Đáp án: B

II. Tự luận

Câu 7a.

395 + 437 = 832.

Đáp án: 832

Câu 7b.

597 - 248 = 349.

Đáp án: 349

Câu 7c.

154 × 4 = 616.

Đáp án: 616

Câu 7d.

495 : 5 = 99.

Đáp án: 99

Câu 8a.

456 : x = 4 nên x = 456 : 4 = 114.

Đáp án: x = 114

Câu 8b.

200 - 25 = 175. Ta có x × 7 = 175 nên x = 175 : 7 = 25.

Đáp án: x = 25

Câu 9.

Bài giải

Mỗi đoạn dây dài là:

64 : 8 = 8 (m)

Cuộn dây 720 m cắt được số đoạn như thế là:

720 : 8 = 90 (đoạn)

Đáp số: 90 đoạn dây

Câu 10.

Số tròn chục lớn nhất có ba chữ số là 990. Số Hùng nghĩ là: 990 - 348 = 642.

Đáp án: 642

ĐỀ SỐ 12

I. Trắc nghiệm

Câu 1.

Làm phép chia trước: 345 : 5 = 69. Sau đó 125 + 69 = 194.

Đáp án: A

Câu 2.

1/8 của 56 lít là: 56 : 8 = 7 lít.

Đáp án: D

Câu 3.

5 quả tạ nặng: 35 × 5 = 175 kg.

Đáp án: B

Câu 4.

Hình có 4 góc vuông ở bốn góc ngoài và 2 góc vuông tại chỗ đoạn thẳng đứng gặp cạnh trên, tổng cộng 6 góc vuông.

Đáp án: C

Câu 5.

7 m = 700 cm; 5 dm = 50 cm. Vậy 7 m 5 dm = 750 cm.

Đáp án: C

Câu 6.

Chiều rộng = 35 : 5 = 7 m. Chu vi = (35 + 7) × 2 = 84 m.

Đáp án: A

II. Tự luận

Câu 7a.

444 - 364 = 80.

Đáp án: 80

Câu 7b.

243 + 139 = 382.

Đáp án: 382

Câu 7c.

5 × 153 = 765.

Đáp án: 765

Câu 7d.

584 : 4 = 146.

Đáp án: 146

Câu 8a.

5 + 3 = 8. Ta có y : 32 = 8 nên y = 8 × 32 = 256.

Đáp án: y = 256

Câu 8b.

100 - 45 = 55. Ta có y × 5 = 55 nên y = 55 : 5 = 11.

Đáp án: y = 11

Câu 9.

Bài giải

Số gạo còn lại là:

567 - 87 = 480 (kg)

Mỗi túi có số ki-lô-gam gạo là:

480 : 8 = 60 (kg)

Đáp số: 60 kg

Câu 10.

Đặt dấu ngoặc như sau: (50 - 5) × 4 - 70 = 45 × 4 - 70 = 180 - 70 = 110.

Đáp án: (50 - 5) × 4 - 70

ĐỀ SỐ 13

I. Trắc nghiệm

Câu 1.

(81 + 15) : 8 + 4 = 96 : 8 + 4 = 12 + 4 = 16.

Đáp án: B

Câu 2.

Chiều dài = 23 × 3 = 69 cm. Chu vi = (69 + 23) × 2 = 184 cm.

Đáp án: D

Câu 3.

4 hm = 400 m; 400 + 5 = 405 m.

Đáp án: A

Câu 4.

Đếm theo hình: có 4 hình tứ giác.

Đáp án: C

Câu 5.

789 : 7 = 112 dư 5 vì 112 × 7 = 784 và 789 - 784 = 5.

Đáp án: C

II. Tự luận

Câu 6a.

345 + 228 = 573.

Đáp án: 573

Câu 6b.

465 - 259 = 206.

Đáp án: 206

Câu 6c.

295 × 3 = 885.

Đáp án: 885

Câu 6d.

468 : 4 = 117.

Đáp án: 117

Câu 7a.

981 : 3 = 327. Ta có 315 + x = 327 nên x = 327 - 315 = 12.

Đáp án: x = 12

Câu 7b.

350 - 21 = 329. Ta có x : 3 = 329 nên x = 329 × 3 = 987.

Đáp án: x = 987

Câu 8.

Bài giải

Mỗi hàng có số học sinh là:

45 : 5 = 9 (học sinh)

225 học sinh xếp được số hàng là:

225 : 9 = 25 (hàng)

Đáp số: 25 hàng

Câu 9.

Số có dạng *25. Vì tích bắt đầu bằng 6 nên chữ số hàng trăm là 2. Ta có 225 × 3 = 675. Vậy điền được 225 × 3 = 675.

Đáp án: 225 × 3 = 675

ĐỀ SỐ 14

I. Trắc nghiệm

Câu 1.

657 : 9 = 73.

Đáp án: A

Câu 2.

Chu vi hình vuông = 35 × 4 = 140 cm.

Đáp án: D

Câu 3.

4 km = 400 dam; 3 hm = 30 dam. Vậy 4 km 3 hm = 430 dam.

Đáp án: C

Câu 4.

Đếm theo hình: có 4 hình tứ giác.

Đáp án: C

Câu 5.

563 : 5 = 112 dư 3.

Đáp án: C

Câu 6.

51 - 48 = 3. Ta có 231 : x = 3 nên x = 231 : 3 = 77.

Đáp án: C

II. Tự luận

Câu 7a.

456 + 127 = 583.

Đáp án: 583

Câu 7b.

485 - 138 = 347.

Đáp án: 347

Câu 7c.

104 × 7 = 728.

Đáp án: 728

Câu 7d.

549 : 4 = 137 dư 1 vì 137 × 4 = 548.

Đáp án: 137 dư 1

Câu 8a.

327 : 3 = 109. Ta có 634 - x = 109 nên x = 634 - 109 = 525.

Đáp án: x = 525

Câu 8b.

x : 7 = 24 dư 2 nên x = 24 × 7 + 2 = 170.

Đáp án: x = 170

Câu 9.

Bài giải

Số học sinh đi thi là:

54 : 9 = 6 (học sinh)

Số học sinh không đi thi là:

54 - 6 = 48 (học sinh)

Đáp số: 48 học sinh

Câu 10.

Số đó nhân 3 bằng: 593 - 8 = 585. Số cần tìm là: 585 : 3 = 195.

Đáp án: 195

ĐỀ SỐ 15

I. Trắc nghiệm

Câu 1.

54 hm : 6 = 9 hm; 9 hm + 13 hm = 22 hm.

Đáp án: D

Câu 2.

Nhà Hoa có 5 × 9 = 45 con gà. Số gà bán đi là 45 : 9 = 5 con.

Đáp án: A

Câu 3.

Thừa số thứ hai = 112 : 4 = 28.

Đáp án: B

Câu 4.

Số tròn chục có ba chữ số và các chữ số khác nhau nhỏ nhất là 120.

Đáp án: D

Câu 5.

Theo hình gốc: có 4 tứ giác nhỏ/liền nhau và 5 tứ giác ghép lớn hơn, tổng cộng 9 hình tứ giác.

Đáp án: C

Câu 6.

Lớp 3B thu được: 21 × 3 = 63 kg. Cả hai lớp thu được: 21 + 63 = 84 kg.

Đáp án: D

II. Tự luận

Câu 7a.

496 + 249 = 745.

Đáp án: 745

Câu 7b.

144 - 99 = 45.

Đáp án: 45

Câu 7c.

174 : 3 = 58.

Đáp án: 58

Câu 7d.

665 : 7 = 95.

Đáp án: 95

Câu 8a.

132 - 127 = 5. Ta có 345 : x = 5 nên x = 345 : 5 = 69.

Đáp án: x = 69

Câu 8b.

235 : 5 = 47. Ta có x - 123 = 47 nên x = 47 + 123 = 170.

Đáp án: x = 170

Câu 9.

Bài giải

Số học sinh lớp 3A là:

99 : 3 = 33 (học sinh)

Số học sinh lớp 3B là:

99 - 33 = 66 (học sinh)

Đáp số: 66 học sinh

Câu 10.

Chọn phép tính: 12 × 9 - 8 = 108 - 8 = 100.

Đáp án: 12 × 9 - 8 = 100

ĐỀ SỐ 16

I. Trắc nghiệm

Câu 1.

317 × 2 = 634.

Đáp án: B

Câu 2.

396 : 9 = 44.

Đáp án: D

Câu 3.

6 m = 600 cm nên 6 m 40 cm = 600 cm + 40 cm = 640 cm.

Đáp án: D

Câu 4.

Chu vi hình vuông = cạnh × 4 = 9 × 4 = 36 cm.

Đáp án: A

Câu 5.

Trong phép chia có dư, số dư lớn nhất kém số chia 1 đơn vị. Số dư lớn nhất là 8 nên số chia là 8 + 1 = 9.

Đáp án: B

Câu 6.

Ta làm phép nhân trước: 10 × 3 = 30. Sau đó 210 + 30 = 240.

Đáp án: A

II. Tự luận

Câu 7a.

324 : x = 2 nên x = 324 : 2 = 162.

Đáp án: x = 162

Câu 7b.

9 × x = 513 nên x = 513 : 9 = 57.

Đáp án: x = 57

Câu 8.

Bài giải

Con bò nặng là:

276 - 85 = 191 (kg)

Cả con trâu và con bò nặng là:

276 + 191 = 467 (kg)

Đáp số: 467 kg

Câu 9.

Bài giải

Số lít nước đã lấy ra là:

64 : 8 = 8 (lít)

Trong thùng còn lại số lít nước là:

64 - 8 = 56 (lít)

Đáp số: 56 lít

Câu 10.

Quan sát hình: có 5 hình tam giác (3 tam giác nhỏ và 2 tam giác lớn) và 3 hình tứ giác.

Đáp án: 5 tam giác; 3 tứ giác

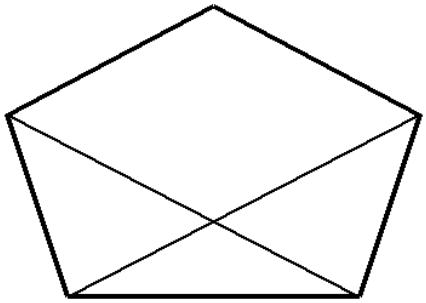

ĐỀ SỐ 17

I. Trắc nghiệm

Câu 1.

Số 907 đọc là "chín trăm linh bảy".

Đáp án: B

Câu 2.

17 gấp 3 lần là 17 × 3 = 51.

Đáp án: A

Câu 3.

153 : 9 = 17; 96 : 8 = 12. Vậy 17 - 12 = 5.

Đáp án: D

Câu 4.

Hình có 2 hình chữ nhật nhỏ và 1 hình chữ nhật lớn ghép từ hai hình nhỏ. Tổng cộng 3 hình chữ nhật.

Đáp án: B

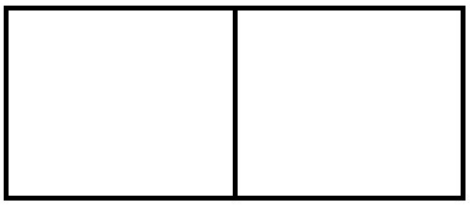

Câu 5.

1 kg = 1000 g nên 8 kg = 8000 g.

Đáp án: A

Câu 6.

Cạnh hình vuông = chu vi : 4 = 24 : 4 = 6 cm.

Đáp án: B

II. Tự luận

Câu 7a.

6 hm 9 dam = 60 dam + 9 dam = 69 dam.

Đáp án: 69 dam

Câu 7b.

3 hm 4 dam = 34 dam; 1 hm 5 dam = 15 dam. Vậy 34 - 15 = 19 dam.

Đáp án: 19 dam

Câu 8a.

356 + 118 = 474.

Đáp án: 474

Câu 8b.

985 - 237 = 748.

Đáp án: 748

Câu 8c.

256 × 3 = 768.

Đáp án: 768

Câu 8d.

453 : 3 = 151.

Đáp án: 151

Câu 9a.

x : 101 = 8 nên x = 8 × 101 = 808.

Đáp án: x = 808

Câu 9b.

x × 8 = 896 nên x = 896 : 8 = 112.

Đáp án: x = 112

Câu 10.

Bài giải

Số viên bi của em là:

69 : 3 = 23 (viên)

Cả hai anh em có số viên bi là:

69 + 23 = 92 (viên)

Đáp số: 92 viên bi

Câu 11.

Hình có 2 tam giác ở hai bên và 3 hình chữ nhật ở giữa (2 hình nhỏ, 1 hình lớn).

Đáp án: 2 tam giác; 3 hình chữ nhật

ĐỀ SỐ 18

I. Trắc nghiệm

Câu 1.

349 × 2 = 698.

Đáp án: B

Câu 2.

36 học sinh xếp 4 hàng nên mỗi hàng có 36 : 4 = 9 học sinh. 126 học sinh xếp được 126 : 9 = 14 hàng.

Đáp án: B

Câu 3.

Dãy số tăng thêm 3: 7, 10, 13, 16, 19, 22, 25, 28.

Đáp án: D

Câu 4.

Chu vi hình = 3 + 12 + 6 + 4 = 25 cm.

Đáp án: C

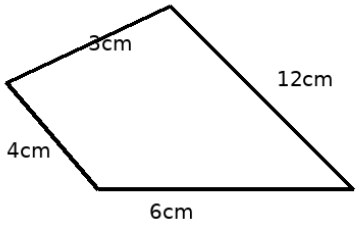

Câu 5.

48 : 4 × 2 = 12 × 2 = 24.

Đáp án: A

Câu 6.

1/5 số học sinh của lớp là 40 : 5 = 8 học sinh.

Đáp án: C

II. Tự luận

Câu 7a.

345 + 569 = 914.

Đáp án: 914

Câu 7b.

567 - 129 = 438.

Đáp án: 438

Câu 7c.

67 × 9 = 603.

Đáp án: 603

Câu 7d.

68 : 8 = 8 dư 4 vì 8 × 8 = 64 và 68 - 64 = 4.

Đáp án: 8 dư 4

Câu 8a.

345 : 5 + 234 = 69 + 234 = 303.

Đáp án: 303

Câu 8b.

2 × 345 - 323 = 690 - 323 = 367.

Đáp án: 367

Câu 9a.

48 : 4 = 12 nên x : 8 = 12. Vậy x = 12 × 8 = 96.

Đáp án: x = 96

Câu 9b.

422 : 2 = 211 nên 234 - x = 211. Vậy x = 234 - 211 = 23.

Đáp án: x = 23

Câu 10.

Bài giải

Lớp 3B có số học sinh là:

34 - 9 = 25 (học sinh)

Cả hai lớp có số học sinh là:

34 + 25 = 59 (học sinh)

Đáp số: 59 học sinh

Câu 11.

Ta ghép thành từng cặp: (100 - 98), (96 - 94), ..., (52 - 50). Mỗi cặp bằng 2. Có 13 cặp nên tổng là 2 × 13 = 26.

Đáp án: 26

ĐỀ SỐ 19

I. Trắc nghiệm

Câu 1.

40 dm = 400 cm; 2 m = 200 cm. Vậy 2 m 40 dm = 200 + 400 = 600 cm.

Đáp án: D

Câu 2.

45 : 5 = 9; 15 + 9 = 24.

Đáp án: B

Câu 3.

1/7 của 49 là 49 : 7 = 7.

Đáp án: A

Câu 4.

Từ 10 giờ tối đến 12 giờ đêm là 2 giờ; từ 12 giờ đêm đến 6 giờ sáng là 6 giờ. Tổng cộng 8 giờ.

Đáp án: C

Câu 5.

Số nhỏ nhất có 3 chữ số là 100. 100 - 27 = 73.

Đáp án: C

Câu 6.

Số vịt là 36 : 3 = 12 con. Tổng số gà và vịt là 36 + 12 = 48 con.

Đáp án: A

II. Tự luận

Câu 7a.

345 + 245 = 590.

Đáp án: 590

Câu 7b.

921 - 197 = 724.

Đáp án: 724

Câu 7c.

104 × 9 = 936.

Đáp án: 936

Câu 7d.

986 : 9 = 109 dư 5 vì 9 × 109 = 981; 986 - 981 = 5.

Đáp án: 109 dư 5

Câu 8a.

469 - x = 123 nên x = 469 - 123 = 346.

Đáp án: x = 346

Câu 8b.

108 + 29 = 137 nên x : 7 = 137. Vậy x = 137 × 7 = 959.

Đáp án: x = 959

Câu 9.

Bài giải

Số sách còn lại là:

55 : 5 = 11 (quyển)

Số sách cô giáo đã thưởng là:

55 - 11 = 44 (quyển)

Đáp số: 44 quyển sách

Câu 10.

Từ ngày 18 đến ngày 27 là 9 ngày. 7 ngày sau vẫn là thứ ba, thêm 2 ngày nữa là thứ năm.

Đáp án: Thứ năm

Câu 11.

Hình có 4 tia đi từ đỉnh xuống đáy. Chọn 2 tia bất kì tạo được 6 tam giác ở phần trên và 6 tam giác dùng đáy dưới: tổng 12 tam giác. Giữa hai đường ngang có 6 tứ giác.

Đáp án: 12 tam giác; 6 tứ giác

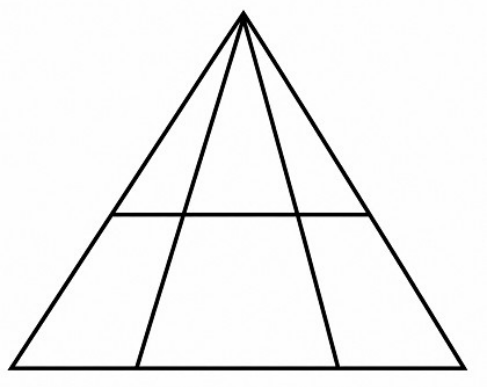

ĐỀ SỐ 20

I. Trắc nghiệm

Câu 1.

109 × 8 = 872.

Đáp án: B

Câu 2.

136 + 497 = 633; 584 + 34 = 618. Vì 633 > 618 nên điền dấu >.

Đáp án: A

Câu 3.

1/6 của 42 kg là 42 : 6 = 7 kg. Thêm 4 kg: 7 + 4 = 11 kg.

Đáp án: B

Câu 4.

Số nhỏ nhất có 3 chữ số là 100. Số lẻ liền trước của 100 là 99.

Đáp án: A

Câu 5.

48 : 4 × 6 = 12 × 6 = 72.

Đáp án: D

Câu 6.

3 m 5 dm = 35 dm. 1/5 của 35 dm là 35 : 5 = 7 dm.

Đáp án: C

II. Tự luận

Câu 7a.

356 + 188 = 544.

Đáp án: 544

Câu 7b.

125 × 7 = 875.

Đáp án: 875

Câu 7c.

988 : 4 = 247.

Đáp án: 247

Câu 8a.

a : 6 = 73 nên a = 73 × 6 = 438.

Đáp án: a = 438

Câu 8b.

783 : 9 = 87 nên 456 - a = 87. Vậy a = 456 - 87 = 369.

Đáp án: a = 369

Câu 9.

Bài giải

Số học sinh tham gia đội văn nghệ là:

36 : 4 = 9 (học sinh)

Số học sinh không tham gia là:

36 - 9 = 27 (học sinh)

Đáp số: 27 học sinh

Câu 10.

Gọi số cần tìm là một số. Một phần ba số đó bằng 51 - 24 = 27. Vậy số đó là 27 × 3 = 81.

Đáp án: 81

Câu 11.

Đếm các góc tạo bởi đường ngang và đường dọc trong hình được 8 góc vuông.
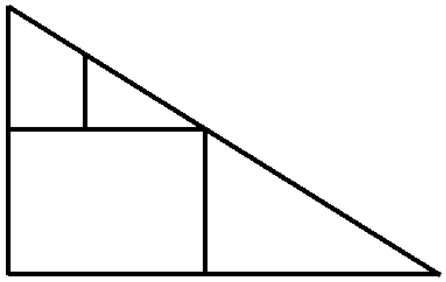
Đáp án: 8 góc vuông